

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án: 13/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 02 - 2025

*“Ly hôn và tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Tinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Minh Hiền - Ông Nguyễn Văn Ảnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Jét - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa: Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 501/2024/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 10 năm 2024, về việc *“Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Phước T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp 3, xã Láng Biển, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Trần Bích P, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp 3, xã Láng Biển, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

(anh T có đơn xin xét xử vắng mặt; chị P vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, anh Nguyễn Phước T trình bày:**

- Về hôn nhân: anh T và chị Trần Bích P cưới nhau vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Láng Biển, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/10/2014. Anh chị quen nhau và cưới nhau trong hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân cũng bình yên hạnh

phúc, nhưng vài năm trở lại đây thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, anh chị thường xuyên cãi nhau từ những chuyện rất nhỏ làm cho không khí gia đình lúc nào cũng căng thẳng. anh T cảm thấy rất mệt mỏi trong cuộc hôn nhân này và anh không còn muốn hàn gắn, bởi anh chị đã cho nhau quá nhiều cơ hội để suy nghĩ lại và hiện nay anh chị không còn sống chung với nhau được nữa và tình cảm vợ chồng cũng không còn như trước.

Đến nay, anh T nhận thấy hạnh phúc hôn nhân không còn nếu kéo được nữa, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên anh T làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Trần Bích P.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trần Phương Nghi, sinh ngày 01/6/2015, hiện con chung đang sống chung với chị Phượng. anh T đồng ý giao con cho chị P nuôi dưỡng, anh không yêu cầu nuôi con và không tự nguyện cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

** Trong quá trình tố tụng, bị đơn Trần Bích P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, chị P vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như vắng mặt tại các phiên tòa sơ thẩm mà không có lý do. Đồng thời, chị P cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của chị đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án.*

**** Vị đại diện Viện kiểm sát huyện Tháp Mười phát biểu quan điểm:***

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng, chị Trần Bích P chưa thực hiện đúng đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Phước T ly hôn với chị Trần Bích P.

+ Về con chung: Áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tiếp tục giao cháu tên Nguyễn Trần Phương Nghi, sinh ngày 01/6/2015 cho chị P được nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành, anh T đồng ý giao con chung cho chị P, không yêu cầu nuôi con cũng không cấp dưỡng nuôi con, cũng không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị P không có yêu.

+ Về tài sản, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: anh T phải chịu án phí không giá ngạch theo quy định.

- * Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất: Không có.
- * Các tình tiết vụ án các bên đương sự không thống nhất: Toàn bộ nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Anh Nguyễn Phước T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung với chị Trần Bích P. Ngoài ra, không có đương sự nào có yêu cầu hay tranh chấp gì khác nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là *“Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”*.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Bích P là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ tại ấp 3, xã Láng Biền, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về xét xử vắng mặt:

Tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Phước T có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn Trần Bích P mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: anh T và chị P tự nguyện yêu nhau, được gia đình hai bên đồng ý tổ chức đám cưới vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Láng Biền, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2014, do đó hôn nhân giữa anh T và chị P là tự nguyện và hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét quá trình chung sống: anh T cho rằng anh chị quen nhau và cưới nhau trong hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân cũng bình yên hạnh phúc, nhưng vài năm trở lại đây thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, anh chị thường xuyên cãi nhau từ những chuyện rất nhỏ làm cho không khí gia đình lúc nào cũng căng thẳng. anh T cảm thấy rất mệt mỏi trong cuộc hôn nhân này và anh không còn muốn hàn gắn, bởi anh chị đã cho nhau quá nhiều cơ hội để suy nghĩ lại và hiện nay anh chị không còn sống chung với nhau được nữa và tình cảm vợ chồng cũng không còn như trước. Đến nay, anh T nhận thấy hạnh phúc hôn nhân không còn

nếu kéo được nữa, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên anh T làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Trần Bích P.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập chị Trần Bích P tham gia phiên họp, phiên hòa giải và các phiên tòa sơ thẩm nhưng chị P đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ mà phía anh T giao nộp cho Tòa án. Do đó, căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét thấy việc anh T trình bày là có cơ sở nên Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn giữa anh T và chị P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: anh T trình bày, vợ chồng anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Trần Phương Nghi, sinh ngày 01/6/2015, hiện con chung đang sống chung với chị Phượng. Khi ly hôn, anh T đồng ý giao con cho chị P nuôi dưỡng, anh không yêu cầu nuôi con và không tự nguyện cấp dưỡng.

chị P vắng mặt và cũng không thể hiện ý kiến gì. Do đó, để tránh làm xáo trộn đời sống và ảnh hưởng đến tâm lý của cháu Nghi nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nguyễn Trần Phương Nghi, sinh ngày 01/6/2015 cho chị P được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh T không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con và chị P cũng không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: anh T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết; chị P không có ý kiến về phần tài sản chung và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: anh T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết; chị P không có ý kiến đối với phần nợ chung và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Anh Nguyễn Phước T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2] Xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát huyện Tháp Mười là có căn cứ và phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Phước T.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Phước T được ly hôn với chị Trần Bích P.

- Về con chung: Chị Trần Bích P được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trần Phương Nghi, sinh ngày 01/6/2015. anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị P không có yêu cầu.

Chị Trần Bích P có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở. Anh Nguyễn Phước T được quyền thăm con, không ai được ngăn cấm.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung: anh T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết; chị P không có ý kiến về phần tài sản chung và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: anh T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết; chị P không có ý kiến đối với phần nợ chung và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Anh Nguyễn Phước T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0011382 ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Như vậy, tiền án phí sơ thẩm anh T đã nộp xong.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKS Huyện;
- THADS Huyện;
- UBND xã Láng Biền
(Giấy CNKH số 46 ngày 14/10/2014);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án và VP. (Jét)

Lê Văn Tinh